

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **72/2018/HS-ST**

Ngày: 06/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Giàu;

Ông Hoàng Xuân Trúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyền.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Mai Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 593/2017/TLST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2018/HPT-QĐ ngày 06/02/2018 đối với bị cáo:

C T L, sinh năm 1998 tại Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp C , xã H, huyện L, tỉnh L. Chỗ ở hiện nay: Tổ 18, khu phố 6, phường T, thành phố BH, tỉnh ĐN. Nghề nghiệp: Thợ sơn nước. Trình độ học vấn: 0/12 (không biết chữ). Dân tộc: Khơ Me. Giới tính: nam. Tôn giáo: không. Quốc tịch: Việt Nam. Con bà Thạch Thị S, sinh năm 1978 và con ông: không rõ. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đầu thú ngày 31/8/2017, chuyển tạm giam theo lệnh số 522/LTG ngày 05/9/2017, của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa.

Bị cáo có mặt.

- Người bị hại: anh S M T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: G, tổ , khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đ. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

C T L, S M T và Q (không rõ lai lịch) quen biết nhau và cùng ở trọ tại phòng số 7 nhà số ,tổ 18, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Khoảng 22 giờ ngày 22/7/2017, L, T, Q và một số người bạn (không rõ lai lịch) rủ nhau hát karaoke tại quán My My ở phường T, thành phố B. Khoảng 23 giờ cùng ngày, T về trước. Sau đó, nhóm của L, Q nghỉ hát karaoke và ra tính tiền nhưng không đủ tiền. Lúc này, L nghĩ T về trước để không phải trả tiền hát karaoke nên L nói với Q về sẽ đâm T.

Khoảng 01 giờ ngày 23/7/2017, L và Q về đến trước dãy phòng trọ của T, Q lấy trong người ra 01 con dao bấm dài khoảng 20cm, ném xuống đất và nói với L “này nói gì thì làm đi”. L nhặt con dao do Q vừa ném xuống đất và cầm dao đi vào phòng trọ của T đâm nhiều nhất trúng vào cánh tay trái và bụng của T. Sau khi gây án, Q chở L bỏ trốn, còn T được mọi người đưa đi cấp cứu.

Vật chứng vụ án:

- 01 con dao bấm dài khoảng 20cm, C T L sử dụng gây án, L đã vứt trên đường bỏ trốn không nhớ vị trí nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể ngày 27/7/2017 và bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0587/GDPY/2017 ngày 27/7/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai đã kết luận S M T bị thương tích bụng và cánh tay trái.

Dấu hiệu chính qua giám định:

- Tổn thương thủng đại tràng ngang phải phẫu thuật làm hậu môn nhân tạo (Áp dụng chương 5, Điều IV, mục 1.3). Tỷ lệ 51%.

- Thủng ruột non 04 lỗ phải phẫu thuật khâu ruột non (Áp dụng chương 5, Điều III, mục 1.2). Tỷ lệ 36%.

- Tổn thương rách gan trái phải phẫu thuật khâu gan (Áp dụng chương 5, Điều VII, mục 2.1). Tỷ lệ 31%.

- Tổn thương rách mạch máu mạc treo phải phẫu thuật khâu mạch máu để cầm máu (Áp dụng chương 5, Điều X, mục 3.1). Tỷ lệ 26%.

- Vết thương thượng vị kích thước 2,5x0,2cm, vết thương cạnh rốn kích thước 2,5x0,2, 02 vết thương cánh tay trái kích thước 04x0,2cm và 2,5x0,2cm (Áp dụng chương 9, Điều I, mục 1). Tỷ lệ 03%.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể (áp dụng theo phương pháp cộng lùi) là 84%.

Vật gây thương tích: Vật sắc nhọn.

Về dân sự: anh S M T yêu cầu C T L bồi thường thiệt hại với số tiền 77.235.627 đồng (bảy mươi bảy triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm hai mươi bảy đồng).

Tại cáo trạng số 586/CT/VKS-HS ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố CT L phạm tội “Cố ý gây thương tích”,

theo quy định tại điểm a, i, khoản 1 và khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Đối với Q (không rõ lai lịch) có hành vi đưa dao cho L gây thương tích cho anh T, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục làm rõ, xử lý sau.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, i khoản 1 và khoản 3 Điều 104; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo mức án từ 06 (sáu) năm đến 07 (bảy) năm tù.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. Biên Hòa, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa là thống nhất, phù hợp nhau và phù hợp với lời khai của người người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Do vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 01 giờ ngày 23/7/2017, tại tổ 18, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đ, C T L đã vô cớ dùng 01 con dao bấm dài khoảng 20cm, đâm nhiều nhát trúng bụng và cánh tay trái của anh S M T gây thương tích với tỷ lệ thương tật là 84%.

Đối với Q (không rõ lai lịch) có hành vi đưa dao cho L gây thương tích cho anh Tài, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục làm rõ, xử lý sau.

[3] Về việc áp dụng điều luật:

Hiện nay Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực pháp luật từ ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, tại Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, quy định về tội danh “Cố ý gây thương tích” quy định mức khởi điểm của khung hình phạt trong tội này cao hơn với tội danh

tương ứng được quy định tại Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xét thấy, hành vi cố ý gây thương tích của bị cáo trong vụ án xảy ra vào ngày 23/7/2017. Theo công văn số 04/TANDTC-PC ngày 09/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41 của Quốc Hội, hướng dẫn áp dụng như sau: Các quy định không có lợi cho người phạm tội thì không áp dụng đối với những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang điều tra, truy tố, xét xử; trong trường hợp này, vẫn áp dụng quy định tương ứng của các văn bản quy phạm pháp luật về hình sự có hiệu lực trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 để giải quyết. Các quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang điều tra, truy tố, xét xử.

Do vậy, trong quá trình xét xử Hội đồng xét xử sẽ áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 để giải quyết vụ án.

[4] Về tội danh:

Xét thấy, bị cáo đã vô cớ dùng 01 (một) con dao bấm dài khoảng 20cm, đâm nhiều nhất trúng bụng và cánh tay trái của anh S M T gây thương tích với tỷ lệ thương tật là 84%. Hành vi của bị cáo L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự 1999, được sửa đổi bổ sung 2009.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo không biết chữ nên khả năng nhận thức còn hạn chế; tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho người bị hại quy định tại điểm p khoản 1, 2 Điều 46, của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự, gây bất bình cho quần chúng nhân dân tại địa phương. Bị cáo là thanh niên đã trưởng thành nên có đủ nhận biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì một lời nói của Q mà bị cáo đã dùng 01 con dao bấm đâm nhiều nhất vào anh S M T gây thương tích 84% chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật nên cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên cũng cần xem xét những tình tiết giảm nhẹ của bị cáo khi quyết định hình phạt thể hiện sự nhân đạo của pháp luật nhà nước ta.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 con dao bấm dài khoảng 20cm, C T L sử dụng gây án, L đã vứt trên đường bỏ trốn không nhớ vị trí nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

[7] Về bồi thường dân sự: Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho anh S M T số tiền 77.235.627 đồng (bảy mươi bảy triệu hai trăm ba mươi lăm ngàn sáu trăm hai mươi bảy đồng) nên ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo. Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh S M T số tiền 77.235.627 đồng (bảy mươi bảy triệu hai trăm ba mươi lăm ngàn sáu trăm hai mươi bảy đồng).

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm; miễn án phí dân sự sơ thẩm do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn.

[9] Đối với phần trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa tại phiên tòa, xét thấy tương đối phù hợp với những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định về vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 104; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; điểm d khoản 1 Điều 48; Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tuyên bố bị cáo C T L phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt: **C T L 06 (sáu) năm tù.** Thời hạn tù tính từ ngày 31/8/2017.

- Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật dân sự 2015.

Buộc bị cáo C T L phải bồi thường cho anh S M T số tiền 77.235.627 đồng (bảy mươi bảy triệu hai trăm ba mươi lăm ngàn sáu trăm hai mươi bảy đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí dân sự sơ thẩm do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn.

- Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP.Biên Hòa;
- THA Biên Hòa;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Mỹ Hạnh